

## ĐỊA DANH NHO LÂM, HUYỆN DIỄN CHÂU, NGHỆ AN

Nguyễn Nhã Bản<sup>(\*)</sup>

Địa danh học (Toponymy) nghiên cứu những đặc điểm cấu tạo, ngữ nghĩa của các địa danh và phân loại chúng. Ở bài viết này, chúng tôi đề cập đến một địa danh cụ thể - làng Nho Lâm, huyện Diễn châu, tỉnh Nghệ An. Đánh rằng, khi lý giải địa danh này phải được đặt trong hệ thống các địa danh huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, vùng đất Nghệ Tĩnh nói riêng và cách đặt địa danh của người Việt nói chung. Cách miêu tả của chúng tôi từ hai phương diện: đồng đại và lịch đại.

1. Hai địa danh Đèo Ngang và Khe Nước Lạnh đã nổi danh, ôm gọn cả giải đất văn hoá này - Nghệ Tĩnh hay xứ Nghệ. Địa danh Đèo Ngang được biết đến và bắt từ với bài thơ "Qua đèo Ngang" của Bà Huyện Thanh Quan, còn khe Nước Lạnh (Lãnh Khê) ở núi Ung, phía Bắc huyện Quỳnh Lưu, là ranh giới của hai tỉnh Nghệ An và Thanh Hoá "Vách đá hiểm dốc, cây cối rậm rạp, khe từ trong núi chảy ra, hơi lạnh xông vào người, nên đặt tên là Khe Nước Lạnh" [5, tr.188]. Vùng đất Nghệ Tĩnh là "đất cổ nước non nhà", là khu vực phía Nam của nước Văn Lang và Âu Lạc ngày xưa. Chính Bùi Dương Lịch đã chỉ rõ, trong *Đại Việt sử ký toàn thư* có chép "phía Nam Giao Chỉ có họ Việt Thường". *Hán thư thiên quận quốc* chỉ khi chép đến quận Giao Chỉ có chú là "nước của An Dương Vương thời cổ". Xét theo chiều lịch sử, địa danh Nghệ Tĩnh đã trải qua nhiều biến cố, nhiều cách gọi tên, lúc phân, lúc hợp: có

khi là một huyện, một quận, một châu, một trấn, một trại, một thừa tuyên, một tỉnh; có khi là hai lộ, hai trại, hai phủ, hai châu, hai tỉnh... Song, nhìn chung chủ yếu vẫn gắn kết làm một: là Hoan Diễn ngày xưa và Nghệ Tĩnh (xứ Nghệ) ngày nay. Sự gắn bó thành một chính thể về mặt địa lý, hành chính cũng phản ánh một sự thống nhất từ bên trong về tất cả các mặt: ngôn ngữ, văn hoá, phong tục, tính cách con người...

2. Diễn Châu, theo Hyppolite Le Breton [10], Diễn có nghĩa là "nước chảy dưới đất". Diễn Châu là huyện ven biển, ở phía Bắc của xứ Nghệ, thuộc 105,30 độ đến 105,45 độ kinh đông; 18,20 đến 19,5 độ vĩ bắc. Phía Bắc huyện Diễn Châu giáp Quỳnh Lưu, phía Nam giáp huyện Nghi Lộc, Tây Nam, Tây Bắc giáp huyện Yên Thành và phía Đông là biển với chiều dài 25 km. Lịch sử huyện Diễn Châu gắn liền với dải đất Nghệ Tĩnh nói riêng và đất Văn Lang nói chung. Thời Bắc thuộc, Diễn Châu thuộc huyện Hàm Hoan, đời Triệu thuộc huyện Cửu Chân, đời Ngô là quận Cửu Đức, quận Cửu Châu đời Lương, quận Nhật Nam đời Tùy, châu Nam Đức, Đức Châu rồi Hoan Châu đời Đường. Vào năm 679, nhà Đường lấy huyện Hàm Hoan đặt thành Diễn Châu. Diễn Châu là một trong 12 châu của An Nam đô hộ phủ ngang với Hoan Châu (gồm huyện Trung Nghĩa, Long Tri, Tứ Nông và Vũ Dung), trị sự đặt tại Quỳnh Lăng (nay là xã Lăng Thành huyện Yên Thành).

<sup>(\*)</sup> PGS.TS, Đại học Vinh, Nghệ An.

Dưới triều Ngô (939-965), Đinh (968-979), Tiền Lê (980-1009), Lý (1010-1225), Diễn Châu là một đơn vị hành chính riêng biệt. Năm Long Khánh thứ hai (1374), Trần Duệ Tông đổi Diễn Châu thành Diễn Châu lộ, năm Quang Thái thứ 10 (1397) đổi Diễn Châu thành trấn Vọng Giang. Năm 1400, Hồ Hán Thương lại đổi thành phủ Linh Nguyên gồm huyện Phù Dung (sau đổi Thổ Thành, thuộc Minh gọi là Đông Ngàn), huyện Thiên Đông (sau nhập vào Thổ Thành huyện Phù Lưu, Quỳnh Lâm và Trà Thanh). Năm 1428, Lê Lợi chia cả nước ra 5 đạo, Diễn Châu thuộc đạo Hải Tây. Năm 1469, Lê Thánh Tông định lại bản đồ cả nước, Hoan Châu và Diễn Châu sáp nhập thành Nghệ An thừa tuyên. Diễn Châu lúc bấy giờ gồm hai huyện Đông Thành (Diễn Châu, Yên Thành và một phần đất huyện Nghĩa Đan ngày nay) và Quỳnh Lưu (gồm Quỳnh Lưu, Nghĩa Đan), lỵ sở Diễn Châu từ Quỳ Lăng chuyển về xã Đông Luy (Diễn Hồng). Đời Tây Sơn, Diễn Châu thuộc trấn Nghĩa An, lỵ sở chuyển về xã Tiên Lý (Diễn Ngọc). Đến mãi năm 1802, Gia Long đổi Nghĩa An thành trấn Nghĩa An, Diễn Châu vẫn gồm hai huyện. Thời kỳ Pháp thuộc, sự phân chia khu vực hành chính vẫn giữ nguyên như trước. Lỵ sở Diễn Châu chuyển về xã Cao Xá (Diễn Thành), vào năm Minh Mệnh thứ 13 (1833). Thành Diễn Châu được xây bằng vỏ sò theo kiểu Vô-băng. Tháng 8 năm 1945, các khu vực hành chính điều chỉnh lại, các phủ, châu nhất loạt gọi là huyện. Đất phía bắc tổng Hoàng Trường cát về huyện Quỳnh Lưu, phần còn lại của huyện Đông Thành là huyện Diễn Châu ngày nay, gồm 41 xã và 1 thị trấn.

### 3. Địa danh Nho Lâm

**3.1.** Ở Diễn Châu có những địa danh được nhiều người biết tới như lèn Hai Vai, Lạch Vạn, Vạn Phần, thành Diễn Châu, chợ Sò, đền An Dương Vương... Nho Lâm là một làng có đặc điểm riêng về lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ. Làng Nho Lâm là một làng lớn và liên quan đến một số làng nhỏ phụ cận như Song Yến, Phúc Nhận, Vinh Yên, Xuân Tinh, Xuân Khánh, Thiên Bản thuộc xã Nho Lâm, tổng Cao Xá, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Làng Nho Lâm chính hiện nay thuộc xã Diễn Thọ bao gồm các thôn: Sơn Đầu, Thanh Kiều, Nhân Hoà, Nhân Lý, Tây Viên, Nhân Mỹ, Đông Bích, Văn Lâm, Thị Đồng, Phương Đình. Nho Lâm hiện nay chia ra làm ba xã thuộc đơn vị hành chính mới: Diễn Thọ, Diễn Phú và Diễn Lộc. Khi nói đến làng Nho Lâm là nói đến khu vực hành chính thuộc xã Diễn Thọ ngày nay. Trong cuốn "Lịch sử đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Diễn Châu" cũng ghi rõ: "Ngoài sở đồn điền Diễn Châu chạy từ núi Mồng Gà qua Bến Thóc - Yên Sở - Lạc Sở do nhà nước phong kiến quản lý, một số quan lại quý tộc được phép đứng ra tổ chức lo việc khai hoang lập ấp. Ông Non thụ tổ họ Cao và ông Đặng Tiến Công khai khẩn vùng đất Nho Lâm (Diễn Thọ, Diễn Lộc, Diễn Phú); Tạ Công Luyện vùng Cầu Đạn (Diễn Cát); Trịnh Công Đán vùng Xuân Sơn (Diễn Lợi); Đặng Phúc Lâm vùng Mai Các (Diễn Thành); Phạm Thập vùng Cao Xá (Diễn Thành-Diễn Thịnh); ba ông tổ họ Bùi, Hoàng, Tăng vùng Diễn Đông, Diễn Nguyên, Diễn Thái; ông tổ họ Trương vùng Diễn Kỳ..."[1, tr.19]. Bao quanh phía nam Nho Lâm là một vòng cung núi: ngàn Đại Vạc, rú Bạc, rú Mạ, rú Mộ Dạ, rú Chạch... Rào Thanh Kiều,

kênh nhà Lê chạy quanh, ôm lấy mảnh đất Nho Lâm. Địa danh *Lộ Cộ* là xuất hiện đầu tiên. Chuyện kể rằng: một lần voi của vua Lê đi tuần thú qua đây, ông Non (Cao Thiện Trĩ) cứ tưởng là voi rừng và đã gọi dân làng ra bắn chết. Sau đó, nhà vua phát hiện và bắt làng phải lựa chọn hai cách: hoặc là giết hết cả làng hoặc bỏ đây tiến đồng vào con voi được đan đúng bằng con voi thật thì sẽ được tha. Dân làng lựa chọn cách thứ hai: đan con voi giả đúng bằng con voi thật và huy động dân làng mang tiến đồng bỏ vào. Nhưng rất tiếc, số tiền của dân làng góp chỉ bỏ vừa đúng bốn chân voi. Dân làng sợ hãi, bỏ chạy vào xã Nộn Liễu, Nam Đàn (đọc chệch âm gọi là Non Liễu). Mỗi lần nhớ về quê hương, quê cũ - theo tiếng địa phương gọi là *lộ cộ* (chỗ cũ). Triều vua đó qua đi, vụ án con voi được xoá, dân làng lại trở về *lộ cộ* - *Lộ Cộ* trở thành tên làng. Lúc đầu họ trở về đồng Thùng Thùng, gần Rú Lá, gọi tên chữ là Thung Thanh. Sau địa danh *Lộ Cộ* là *Hoa Lâm* (華林).

Địa danh Hoa Lâm ra đời vào khoảng đời Chúa Trịnh. Song, địa danh này lại trùng với tên công chúa họ Trịnh-Hoa Dương công chúa, nên địa danh Hoa Lâm đổi sang Nho Lâm. Địa danh Nho Lâm (儒林) ra đời vào khoảng đời Minh Mệnh đến nay. Cũng cần lưu ý thêm rằng, không phải tất cả nhưng một số địa danh làng ở Diễn Châu thường xuất hiện yếu tố "kê" song song với địa danh Hán - Việt: kê Hố~Xuân Sơn, kê Đạu~Hoà Lạc, kê Ngươi~Đa Phúc, kê Lèn~Trung Phường, kê Trong~Đan Trung, kê Dặm~Vân Tập, kê Mưng~Xuân Viên... Làng Nho Lâm cũng như một số làng khác không có yếu tố "kê" tồn tại song song như trên.

3.2. Khi nhắc tới làng Nho Lâm là phải nói tới làng nghề quan trọng nhất - nghề luyện sắt và nghề rèn cổ truyền:

*Nho Lâm than quánh nặng nề,  
Súc em đang được thì về Nho Lâm*

(Ca dao)

hoặc:

*Hỡi o đầu chút khân the,  
Đi thì chọn lối chớ về Nho Lâm.  
Nho Lâm gánh nặng vai bầm,  
Sắt dăm toạc cẳng, dêm năm mà rên.*

(Ca dao)

Quặng sắt đã được khai thác suốt nhiều thế kỷ do "chủ lò rèn" Nho Lâm. Cao Lỗ vừa sản xuất vừa truyền nghề. Quê hương của ông người ta đặt là xã Cao Xá - nơi ở của họ Cao. Nhân dân lập đền thờ ông ở động Tù Và (xã Công Thành, Yên Thành, Nghệ An). Trong sách "Bách nghệ tổ sư" cũng ghi lại "Lư Cao Sơn ở làng Nho Lâm, thế kỷ III trước Công nguyên, bỏ công mười năm sang Trung Quốc học nghề rèn về truyền lại cho dân"[7, tr.35]. Cũng cần ghi chú thêm rằng: Cao Lỗ chủ lò rèn Nho Lâm và Cao Lỗ là tướng giỏi của An Dương Vương đã giúp vua xây thành Cổ Loa, làm nỏ thần có phải là hai hay một hiện đang là câu hỏi còn bỏ ngỏ. Theo Hyppolite le Breton "các chủ lò rèn" đã dùng phương pháp lò thấp (châu Âu gọi là "phương pháp Captalane"). Các lò này thịnh hành trong thế kỷ XIX và cũng chính từ các lò này đã làm ra những súng thần công bằng gang thời Gia Long và Minh Mạng (đầu thế kỷ XIX) mà người ta còn thấy bỏ lại trong các đồn trại cũ của An Tĩnh. Nhưng do các khu rừng lân cận đã bị đốt phá bừa bãi vì thiếu củi nên các lò rèn đã tắt lửa. Ngày nay, người ta chỉ tìm thấy ở Nho Lâm những người thợ rèn bình

thường mà tay nghề khéo léo đã được khắp miền Bắc Trung Kỳ công nhận. Chính chợ búa của miền trung du Thanh Hoá và An Tĩnh là nơi các dân tộc thiểu số về đây mua sắm dao rựa, dao phay, lưỡi cày... Theo tư liệu của Đặng Quang Liên và tư liệu điền dã của chúng tôi, ở Nho Lâm có hai loại lò: lò đúc (luyện) sắt và lò rèn sắt. Hai loại lò này khác biệt với nhau. Thợ làm cũng chia làm hai loại: thợ lò hồng (đúc) và thợ lò rèn. Lò hồng được đặt trong nhà ló để trống, không phên che, thoáng gió và mát mẻ, không bắt lửa, diện tích khoảng 20 - 25m<sup>2</sup>. Quá nửa diện tích nhà lò dùng đặt nồi đúc và bể thổi, còn một nửa là chỗ cho thợ bận đứng để đập hòn chai. Dụng cụ lò hồng gồm có nồi đúc, bể thổi, ống móng, con xỏ (mục lò), chèong bươi, chấn, chạm, đe, búa, kim. Quặng sắt do người Nho Lâm khai thác ở trường Sát (ngăn Đại Vạc), là chỗ giáp ranh của làng Nho Lâm và xã Nghi Công, Nghi Lộc (ngày xưa là xã Quả Trinh). Quặng sắt có khi nằm lộ thiên hoặc có khi phải đào hầm để lấy. Quặng sắt là vật liệu cho nghề rèn. Loại tốt gọi là quánh bầu, quánh mỡ gà và loại kém hơn gọi là quánh nâu, quánh gân trâu, quánh gang. Ngoài quánh sắt ra, vật liệu còn có than đốt lò và qui trình hoạt động (mỗi lò hồng có 8 người: 1 thợ cã, 2 người thổi bể, 5 thợ bận). Lò rèn cũng có các dụng cụ như bể thổi, các loại đe, kim, cặp, búa to nhỏ. Dụng cụ này thường nhỏ hơn lò hồng và vật liệu là những loại sắt chai đã chẻ tư và than củi. Lúc thịnh thời, lò rèn Nho Lâm cũng nhiều xấp xỉ lò hồng. Khi lò hồng đã ngừng hoạt động thì những lò rèn vẫn còn nhiều và duy trì cho đến ngày nay. Dĩ nhiên, số lượng lò rèn ngày nay còn lại rất ít. Nghề rèn là một công việc rất vất vả. Có người đã miêu tả: "Gà cứt tiếng gáy sáng

thì các lò rèn cũng đã đe búa ran làng. Trong bóng tối xen ánh lửa bập bùng, những người đàn ông to khoẻ thật bẽ, thay nhau quai búa vào thanh sắt đỏ lửa đặt trên đe, tàn lửa bắn ra xé rách màn đêm từng đường dài. Phó rèn phần lớn là những người hơi có tuổi, nhưng khoẻ mạnh, khi thật bẽ lên, thân hình như một khối đen, khi bẽ thật xuống là một pho tượng sơn đồ pha đen, làm cho ta tưởng như mình đang sống trong thời tiền sử" [7, tr.7]. Ngay tại làng Nho Lâm có Rú Ta ( hay còn gọi là Mã Yên Sơn). Đây là một địa danh đáng lưu ý. Qua việc khai quật Rú Ta với các hiện vật nhóm đồ đá, đồ gốm; Hoàng Văn Khoán nhận xét: "địa điểm Rú Ta thuộc loại hình Thạch Lạc của văn hoá Bàu Tró và ở vào giai đoạn cuối cùng của loại hình này. Rú Ta nằm trong địa bàn phân bố của loại hình Thạch Lạc, ở nó có đầy đủ các đặc trưng cơ bản của loại hình Thạch Lạc. Tiêu biểu nhất là sự tồn tại một tỷ lệ lớn búa riu có vai mang các đặc trưng chung của nhóm riu có vai ở Nghệ Tĩnh" [4, tr. 19]. Cũng cần lưu ý, ở Nghệ Tĩnh trong cấu tạo địa danh không xuất hiện yếu tố "núi" (thành tố A - danh từ chung) mà thay vào đó là: rú, động (động). Hơn thế, núi đá vôi thì người Nghệ không dùng "núi" mà gọi là "lèn", ví dụ như *lèn Hai Vai* ở xã Diên Minh, Diên Châu. Tên gọi Rú Ta cũng gắn với một sự tích: Tạ Công Luyện (tự Tôn Tĩnh) xuất thân gia đình quý tộc vào thập kỷ 30, thế kỷ 15, lớn lên trong thời Lê cực thịnh. Năm Tân Mão 1471 làm phó sứ, có công lớn giúp vua Lê Thánh Tông dẹp giặc Chiêm Thành và được nhà vua phong "Tướng quân khâm mệnh phó sứ Luyện Khê hầu". Thụy tổ họ Tạ của ông ở làng Bút Điền. Nhà vua cho ông đặc ân là nếu vật của ông ăn đến đâu thì ông được chiếm

đất đai, đồn điền đến đây. Vệt ông ăn đến Rú Ta và Rú Ta phải chia đôi ra: nửa Bắc thuộc xã Diễn Cát, nửa Nam thuộc Nho Lâm, và kế ước ghi là *Bán sơn vi giới*. Bà vợ của Tạ Công Luyện, là người họ Cao làng Nho Lâm. Nhân lúc chồng đi công việc ở xa, ở nhà bà đã chữa kế ước: *sơn* (山) sang *xuyên* (川), nghĩa là *bán xuyên vi giới*. Tạ Công Luyện về chia lại đất đai: chia cho Bút Diễn và Nho Lâm bằng con Rào và Rú Ta thuộc về Nho Lâm (rú thuộc về ta). Cách Rú Ta bằng một con đường làng là cánh đồng rộng chừng 4 mẫu gọi là đồng Mỏm. Những di vật phát hiện ở đây chủ yếu thuộc thời kỳ văn hoá Đông Sơn. "Xét tổng thể hiện vật và bằng phương pháp so sánh, địa điểm khảo cổ học Đồng Mỏm nằm trong khung niên đại của văn hoá Đông Sơn sắt, nghĩa là từ thế kỷ thứ 5 đến thế kỷ 1 trước Công nguyên.

Với những lò luyện sắt và những vệt tích của luyện đồng phát hiện được ở địa điểm khảo cổ học Đồng Mỏm, lần đầu tiên một khu luyện kim được phát hiện. Đồng Mỏm nằm trên đất Nho Lâm xưa vốn có nghề luyện sắt cổ truyền nổi tiếng. Vì vậy, địa điểm khảo cổ học Đồng Mỏm sẽ góp phần quan trọng trong việc nghiên cứu nguồn gốc của đồ sắt, tiến lên giải quyết một số vấn đề về thời đại sắt sớm ở nước ta" [4, tr.34].

**3.3.** Nói đến con người "xứ Nghệ" người ta nghĩ ngay đến những đặc điểm tính cách như kiên cường trong chiến đấu, cần cù trong lao động, kiệm ước trong chi tiêu, khoáng đạt trong sinh hoạt và đời sống tinh cảm, đặc biệt là sự hiếu học. Con người Nho Lâm cũng vậy: ngay thẳng, cương trực và hiếu học. Làng Nho Lâm xưa có nhiều trường tập luyện học trò đi thi, lại có lò luyện võ, có nhiều quan võ. Phía dưới

sát đường số 1, ở làng Thịnh Mỹ, Diễn Thịnh nổi danh với họ Cao Xuân về sự học hành thì Nho Lâm cũng là một địa chỉ đáng quan tâm. "Hai cha con ông phủ Kiến có bài vị thờ ở miếu Trung Liệt trên gò Đống Đa, Hà Nội vốn gốc Nho Lâm đều là quan võ. Đây là quê hương văn vật. Sinh Đồ, Tú Tài nhiều như đất vảng cày. Dưới thời Hậu Lê, Nho Lâm có 13 Hương Cống, 244 Sinh Đồ. Số Sinh Đồ trên một phần tư của cả huyện Yên Thành (859 người). Sang thời Nguyễn có một Hoàng Giáp, hai Phó Bảng, mười Cử Nhân, 33 Tú Tài. Về Tây học, nếu kể từ Tú Tài trở lên có đến non hai chục người trong đó có Cử Nhân, Đốc Tờ (bác sĩ). Thật là hiếm nơi có như vậy." [7, tr. 6]

**3.4.** Xét từ phương diện ngôn ngữ, theo chúng tôi, Nho Lâm là một thổ ngữ đặc biệt của Diễn Châu nói riêng và của Nghệ Tĩnh nói chung. Ở Diễn Châu, phía Bắc phát âm có phần giống như phương ngữ Bắc (như xã Diễn Liên, Diễn Xuân, Diễn Hạnh...). Riêng các xã ven biển như Diễn Vạn, Diễn Ngọc, Diễn Bích phát âm giống với phương ngữ Nam, đặc biệt là ở phần vần như: đèn - dèng, nan - nang, nít (con) - níc, hít - híc... Nho Lâm có thể coi như một "đảo" ngôn ngữ của phía Nam huyện Diễn Châu. Thứ nhất, xét về vốn từ vựng, ở thổ ngữ này còn bảo giữ vốn từ rất cổ như bao nơi khác của phương ngữ Nghệ Tĩnh kiểu như: mấn (váy), nít (thắt lưng), cười (sân), xán, dẹt (ném), trụng (nhúng), nỏ (không), vô (vào), sọi (đẹp), dọi (bát), pheo (tre), [3, tr.3]. Đặc biệt, có cảm từ "mà lè" (hoặc "mà lẹ") đứng cuối câu, biểu thị ý nhấn mạnh. Từ này đã xuất hiện trong ca dao Nghệ Tĩnh để định danh: một địa chỉ:

*Nho Lâm tiếng nói nặng nề  
Lời nói đi trước (chớ) mà lè theo sau.*

Xin đơn cử: to to chỉ mà lẻ, đau đau ri mà lẻ... Điều đáng quan tâm là mặt ngữ âm của thổ ngữ Nho Lâm. Trước đây, trong bài "Thổ âm Nho Lâm", chúng tôi đã nêu ra khá đầy đủ về mặt ngữ âm của thổ ngữ này. Ở đây, do giới hạn, khuôn khổ của một bài báo, chúng tôi không thể trình bày hay vẽ ra bức tranh toàn cảnh mà chỉ nêu một số đặc trưng ngữ âm cơ bản nhất. Chú ý trước hết là "thanh ngã" của thổ ngữ Nho Lâm. Cũng như nhiều nơi ở Nghệ Tĩnh, thanh ngã không tồn tại ở thổ ngữ Nho Lâm mà đã nhập với thanh nặng. Thanh ngã trong thổ ngữ Nho Lâm là do hiện tượng biến thanh từ thanh hỏi. Hay nói khác đi, hễ ở đâu có thanh hỏi là ở đấy biến sang thanh ngã, song, thanh ngã này có những phẩm chất ngữ âm khác với thanh ngã trong tiếng Việt văn hoá-hiện tượng yết hầu hoá, tắc họng quá rõ. Ví dụ: đở-đở, mỗ ~ mỗ, cở ~ cở... Trong hệ thống phụ âm đầu, thổ ngữ Nho Lâm tồn tại đầy đủ dãy phụ âm quặt lưỡi. Ở đây không tồn tại các tổ hợp phụ âm /t/, d/ như một số vùng khác của Nghệ Tĩnh. Nếu quan sát cách phát âm của người già, thì ở Nho Lâm còn bảo lưu một số phụ âm cổ của tiếng Việt như phụ âm tắc bật hơi /p', k'/ . Hàng loạt sự đối ứng giữa phụ âm đầu thổ ngữ Nho Lâm và tiếng Việt văn hoá, có thể là sự đối ứng 1-1 hoặc nhiều hơn. Ví dụ, phụ âm /t / - /l/ : trở-lở, trém-lém, trăn-lăn,... /t/-/z/ : trùn- giun (con), tra-già, troi-giòi, trừa-giũa,... /t/-/b/ : trệt - bệt (ngồi), tróc-bóc,... /t/-/t/ : truốt-tuốt, troét-toét, trọt-tọt,... /t / - /ç / : trộm - sộm, trọi-sọi, trộ-sộ, /t/-/c/ : trim-chim, trọi-chọi, trự-chữ, Âm đệm / w / tồn tại ỷ thực sự trong thổ ngữ Nho Lâm. Cần chú ý một số âm tiết xuất hiện âm đệm /w/ : cào (cái)~/ kũũ<sup>2</sup>/, cào cào (con)~/ kũũ<sup>2</sup>kũũ<sup>2</sup>/, tràn~/trũen<sup>2</sup>/ (nước), khêu~/xũeyũ<sup>2</sup>/, nghèo (cỏ)~/hũeyũ<sup>3</sup>/ ...

Cũng giống như các thổ ngữ khác ở Nghệ Tĩnh, hệ thống vần mở, nửa mở, khép, nửa khép có sự biến đổi, đối ứng diễn ra rất phức tạp. Ngoài những vần chạy xuyên khắp Nghệ Tĩnh như: uoi- oi: ruối - ròi, muối-mói, muội - mọi,... oi ~ ui: thối - thúi, tói - túi, gói (dầu)- gúi,... ua- a: luá- lá, ngũa- ngá, nũa- ná,... âu- u: trâu- tru, trầu-trù, gấu- gú,... ai ~ ây/i: gái- gáy/ ghí, trái- tráy/ trí, gai - gây/ ghi,... uốt- ot: ruột-rọt, nuốt-nót, ôc-uc: gốc-gúc, gộc-gục, dốc- dúc,... ân- in: chân- chin, gân- ghin,... thì ở Nho Lâm cần chú ý đến một số vần. Ví như, ô- ua: vợ- vụa, gô- gụa, đơ- đụa,... ô- ua: vồ- vụa, rồ- rụa, vô- vua,... e-ia: về- via, ghế- ghĩa, dể- dĩa,... ôi- uoi: gỏi- guôi, rôi- ruối, vôi- vuội,... ơm- ươm: góm- gướm, đơm- đươm, côm- cươm,... oi- uoi: dơi (con)- dươi, vói- vười, bơi- buoi,... âp- ụp: sấp- súp, dấp- dúp, dệp- dựp,... âm- um: dấm- dúm, dấm- dúm, âm âm- ồm ồm,...ôt- ụt: vót- vút, rôt- rúôt, vọt- vượôt,... ep- iep: rệp- riệp, xệp- xiệp, bệp- biệp,... ệt- iệt: rết (đuôi)- riệt, dệt- diệt, hết- hiết,... ông- ung: rộng- rụng, giống- dúng, ống- úng... Những đặc điểm sơ lược về từ vựng, ngữ âm vừa nêu như là nét khu biệt để nhận ra vốn từ địa phương, "giọng" của một làng - làng Nho Lâm.

Làng (village) như một đơn vị hành chính vừa như một tế bào xã hội bảo giữ mọi tâm tư, nguyện vọng, tình cảm, triết lí cuộc đời, lưu truyền ngôn ngữ và văn hoá dân gian, nền tảng của ngôn ngữ và văn hoá dân tộc... Như trên, chúng tôi đã trình bày giản lược những vấn đề, lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ của làng Nho Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Có thể còn nhiều tư liệu cần phải được bổ sung và hiệu chỉnh thêm. Thiết nghĩ nếu nghiên cứu đầy đủ các thông tin về địa danh làng,

đền, chùa, cầu, sông, chợ... từ những khu vực, vùng khác nhau sẽ là nguồn tư liệu bổ ích cho việc khảo cứu lịch sử, văn hoá, truyền thống, ngôn ngữ không chỉ riêng đối với người Việt mà còn với cả các dân tộc

khác. Qua đó chúng ta sẽ nhận biết, hiểu được các gam màu khác nhau trên đất Việt, đó là chưa nói đến sự cần thiết phải xây dựng cuốn *Từ điển địa danh Việt Nam*.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam huyện Diễn Châu, *Lịch sử Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam huyện Diễn Châu*, Tập I. 1988.
2. Nguyễn Nhã Bản, *Thổ âm Nho Lâm*, TBKH, Trường ĐHSP Vinh, 1978.
3. Nguyễn Nhã Bản, *Từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh* (chủ biên), NXB Văn hoá, Hà Nội, 1999.
4. Hoàng Văn Khoán, *Bí ẩn của lòng đất*, Trung tâm UNESCO, Thông tin tư liệu lịch sử và văn hoá Việt Nam, Hà Nội, 1999.
5. Bùi Dương Lịch, *Nghệ An kí*, NXB Khoa học Xã hội, 1993.
6. Đặng Quang Liên, *Nghề luyện sắt và nghề rèn ở Nho Lâm* (Diễn Châu), In trong "Nghề, làng nghề thủ công truyền thống Nghệ An", NXB Nghệ An, 1998.
7. Nguyễn Nghĩa Nguyên, *Cụ Hoàng Nho Lâm*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1997.
8. Nguyễn Nghĩa Nguyên, *Từ Cổ Loa đến đến Công*, NXB Nghệ An, 1993.
9. Суперанская А. В., *Что Такое Топонимика?* Издательство "Наука", Москва, 1985.
10. Hyppolite le Breton, *An Tĩnh cổ lục* (Le Vienx AnTinh) (Bản dịch đánh máy của thư viện Nghệ An), 1936.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T.XIX, N<sub>2</sub>, 2003

## NHO LAM VILLAGE OF DIEN CHAU DISTRICT – NGHE AN PROVINCE

Assoc. Prof. Dr. Nguyen Nha Ban

Vinh University, Vietnam

Toponymy and anthroponymy belong to the science of onomasiology - A place name is the name of geographical object (natural or man - made). Place names in Nghe Tinh, in the mind of Vietnamese people in general and of local habitants in particular refer to the "Nghe Land". Nho Lam is a village that has distinguishing historical, cultural and linguistic features. Nho Lam is well - known and has ancient career on refining iron. Lo Co and Hoa Lam were its former names. According to the aspect of linguistics, there are specialities about tones, initial - consonants and rhythms.